

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/DSST

Ngày 07/02/2025

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Hồng Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Sang

2. Bà Thi Thị Thanh Trúc

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Khánh Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Tú A, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp Ô, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Tú A: Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1990 là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22/8/2024) (có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1992 (có mặt).

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 8 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc G trình bày:*

Bà Tú A là chủ vật liệu xây dựng H, vợ chồng ông M bà H có mua vật liệu xây dựng của bà Tú A tổng cộng là 225.896.000 đồng, tuy nhiên đến ngày 01/3/2023 AL vợ chồng ông M mới trả cho bà Tú A số tiền 115.896.000 đồng, còn nợ lại 110.000.000 đồng chưa trả. Bà Tú A đã nhiều lần yêu cầu ông M và bà H thanh toán nhưng ông M và bà H không thanh toán cho bà Tú A.

Nay bà Tú A yêu cầu ông M và bà H trả số tiền 110.000.000 đồng, và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 02/3/2023 AL (tức ngày 21/4/2023 DL) đến ngày 07/02/2025 là 21 tháng 15 ngày = 19.629.000 đồng.

** Theo bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Trước đây vợ chồng ông bà có mua vật liệu xây dựng của bà Tú A và còn nợ lại là 110.000.000 đồng, nay vợ chồng ông cũng đồng ý thanh toán số nợ 110.000.000 đồng cho bà Tú A nhưng không đồng ý thanh toán số lãi suất 19.629.000 đồng theo yêu cầu của bà Tú A.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu tính lãi suất cho đến hôm nay số tiền tổng cộng là 129.629.000 đồng (Trong đó gốc 110.000.000 đồng, lãi suất từ ngày B (tức ngày 21/4/2023 DL) đến ngày 07/02/2025 là 19.629.000 đồng)

- Bị đơn không đồng ý theo yêu cầu nguyên đơn, chỉ đồng ý thanh toán số gốc 110.000.000 đồng, không đồng ý thanh toán lãi suất.

Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện theo các quy định tại các Điều 48, 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả tiền thì bên mua có nghĩa vụ thanh toán theo thời hạn...Khoản 3 Điều 440 còn quy định trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 147, Điều 227, Điều 228 BLTTDS;
- Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhập nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Tú A. Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H trả lại số tiền mua vật tư xây dựng gốc là 110.000.000 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và các căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu trả lại tiền mua bán vật liệu xây dựng nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán”. Nơi cư trú bị đơn tại ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn bà Lê Thị Tú A yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H trả lại số tiền mua vật liệu xây dựng gốc 110.000.000 đồng và lãi suất B (tức ngày 21/4/2023 DL) đến ngày 07/02/2025 là 21 tháng 15 ngày = 19.629.000 đồng. Xét thấy căn cứ vào hóa đơn ngày 01/3/2023 (AL), biên bản hòa giải và qua trình làm việc tại Tòa án, bị đơn ông M bà H xác nhận còn nợ tiền mua bán vật tư bà Tú A là 110.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc mua bán giữa các bên là do các bên tự thỏa thuận với nhau. Khi thực hiện giao dịch mua bán vật liệu xây dựng, các bên có ghi vào sổ mua bán và chốt lại số tiền của quá trình mua bán vào ngày 01/3/2023 (AL). Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện nguyên đơn bà G và bị đơn ông M và bà H thống nhất thỏa thuận: ông M và bà H đồng ý thanh toán tiền nợ gốc 110.000.000 đồng cho bà Tú A nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của đương sự.

[3] Về lãi suất: Bà Lê Thị Tú A yêu cầu trả lãi suất tính từ ngày B (tức ngày 21/4/2023 DL) đến ngày 07/02/2025 là 19.629.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình mua bán vật liệu xây dựng ông M bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó phải có trách nhiệm thanh toán lãi suất chậm trả theo quy định theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

“Điều 357. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả lãi suất chậm trả của bà Tú A, buộc ông M bà H phải thanh toán lãi suất chậm trả từ ngày 02/3/2023 A1 (tức ngày 21/4/2023 DL) đến ngày 07/02/2025 là 21 tháng 15 ngày = 19.629.000 đồng.

[4] Về đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Ngọc G, ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H: Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H thống nhất thanh toán số tiền nợ gốc 110.000.000 đồng cho bà Lê Thị Tú A.

Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H thanh toán lãi suất chậm trả từ ngày 02/3/2023 AL (tức ngày 21/4/2023 DL) đến ngày 07/02/2025 bằng 19.629.000 đồng.

Tổng cộng số tiền phải thanh toán là 129.629.000 (*một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm hai mươi chín ngàn*) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 6.481.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Tú A số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 3.138.000 đồng theo biên lai số 0009404 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Thị Hồng Nhân

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.